

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36 /2024/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024

## THÔNG TƯ

### Quy định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng là hợp tác xã

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;  
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;  
Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của  
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  
Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;  
Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định  
về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về việc phân loại đối với các tài sản có (sau đây gọi tắt là nợ) phát sinh từ các hoạt động sau:

- Cho vay;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Trả thay theo cam kết ngoại bảng (bao gồm khoản trả thay nghĩa vụ của khách hàng trong hoạt động bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng (trừ các trường hợp quy định tại điểm i Khoản này) và các khoản trả thay khác theo cam kết ngoại bảng);
- Mua trái phiếu chưa niêm yết do tổ chức tín dụng khác phát hành trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết);

e) Ủy thác cấp tín dụng;

g) Gửi tiền (trừ tiền gửi không kỳ hạn) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật;

h) Mua chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;

i) Nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng và nghiệp vụ hoàn trả thư tín dụng theo hình thức thỏa thuận với khách hàng thanh toán bằng nguồn tiền của ngân hàng hoàn trả kể từ ngày ngân hàng hoàn trả thanh toán cho bên thụ hưởng; nghiệp vụ thương lượng thanh toán thư tín dụng;

k) Mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng, trừ trường hợp ngân hàng hợp tác xã mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính ngân hàng hợp tác xã phát hành.

2. Ngân hàng hợp tác xã thực hiện phân loại nợ phát sinh từ các hoạt động quy định tại khoản 1 và cam kết ngoại bảng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện phân loại nợ phát sinh từ hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Các khoản bảo lãnh, nghiệp vụ thư tín dụng (trừ các trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều này), chấp nhận thanh toán, cam kết cho vay không hủy ngang và các cam kết khác phát sinh rủi ro tín dụng (sau đây gọi là cam kết ngoại bảng) phải được phân loại theo quy định tại Thông tư này để quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng hợp tác xã.

5. Đối với nợ đã sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái (sau đây gọi là Nghị định về trích lập dự phòng rủi ro), tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện quản lý, theo dõi theo quy định tại Nghị định về trích lập dự phòng rủi ro, không phân loại nợ theo quy định tại Thông tư này.

6. Các khoản nợ mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có quy định, quyết định về phân loại tài sản có thì tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện theo quy định, quyết định đó của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã, bao gồm:

- a) Ngân hàng hợp tác xã;
- b) Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc phân loại nợ của tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Rủi ro tín dụng trong hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã (sau đây gọi tắt là rủi ro) là khả năng xảy ra tổn thất đối với nợ của tổ chức tín dụng là hợp tác xã do khách hàng không trả được hoặc không có khả năng trả được một phần hoặc toàn bộ nợ của mình theo hợp đồng hoặc thỏa thuận (sau đây gọi là thỏa thuận) với tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

2. Khoản nợ là số tiền tổ chức tín dụng là hợp tác xã đã gửi, thanh toán, giải ngân từng lần theo thỏa thuận (đối với trường hợp mỗi lần giải ngân có thời điểm cuối cùng của thời hạn, kỳ hạn trả nợ khác nhau) hoặc số tiền tổ chức tín dụng là hợp tác xã đã giải ngân theo thỏa thuận (đối với trường hợp nhiều lần giải ngân nhưng có thời điểm cuối cùng của thời hạn và kỳ hạn trả nợ giống nhau) đối với nợ chưa hoàn trả của một khách hàng.

3. Khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng không trả được đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận với tổ chức tín dụng là hợp tác xã. Đối với khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, khoản nợ quá hạn là khoản nợ mà khách hàng sử dụng thẻ không trả được nghĩa vụ trả nợ đến hạn thanh toán của mình theo thỏa thuận phát hành, sử dụng, thanh toán thẻ tín dụng với ngân hàng hợp tác xã.

4. Nợ xấu (NPL) là nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán (nợ xấu nội bảng), gồm nợ thuộc các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo quy định tại Thông tư này.

5. Tỷ lệ nợ xấu là tỷ lệ giữa nợ xấu so với tổng các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 5 theo quy định tại Thông tư này.

6. Tỷ lệ cấp tín dụng xấu là tỷ lệ giữa tổng của nợ xấu và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm 5 so với tổng các khoản nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5.

7. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ là nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).